

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4MM /CT-KK
V/v hướng dẫn bổ sung hồ sơ
đăng ký thuế, khai, nộp thuế.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2019



Kính gửi: Trường đại học Duy Tân

Mã số thuế: 0400396388

Địa chỉ: 03 Quang Trung, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng; Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế Thu nhập cá nhân; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật Thuế; Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài; Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Trong thời gian qua, trên địa bàn Đà Nẵng có nhiều tổ chức là các đơn vị sự nghiệp; đơn vị vũ trang; tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội...(gọi chung là tổ chức) thực hiện khai thuế, nộp thuế và thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế tương đối tốt góp phần cải cách hành chính thuế. Tuy nhiên, qua theo dõi, quản lý vẫn còn các tổ chức khai thuế, nộp thuế và bổ sung hồ sơ đăng ký thuế chưa đúng quy định, trễ hạn dẫn đến Cơ quan thuế phải xử phạt vi phạm hành chính về thuế ảnh hưởng công tác quản lý thuế và hoạt động của các tổ chức.

Để thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế và các chính sách thuế hiện hành, nhằm hạn chế sai sót trong quá trình đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế ... Cục Thuế thành phố Đà Nẵng gửi tài liệu (đính kèm) để các tổ chức chỉ đạo các bộ phận có liên quan nghiên cứu thực hiện.

Cục Thuế thành phố Đà Nẵng thông báo để tổ chức biết và thực hiện. Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với Cục Thuế TP Đà Nẵng (Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế và Phòng Kế khai và Kế toán thuế), số điện thoại: 0236.3823556-0236.3898342), địa chỉ: số 190 Phan Đăng Lưu, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng để được hướng dẫn. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TTHT (phối hợp);
- Lưu: VT, KK (02b).



Nhung

Trương công Khoái



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ BỔ SUNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUẾ, KHAI THUẾ VÀ NỘP THUẾ

(Đính kèm Công văn số 4333 /CT-KK ngày 01 /11/2019)

I. Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế:

Tổ chức thực hiện rà soát, bổ sung thông tin, cụ thể như sau: Tra cứu thông tin người nộp thuế tại trang web <http://tracuunnt.gdt.gov.vn/tcinnt/mstdn.jsp>. Nếu trường hợp thông tin chưa phù hợp với thực tế của đơn vị (Người đại diện pháp luật, kế toán trưởng, số điện thoại, địa chỉ...), đơn vị thực hiện nộp ngay hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế. Hồ sơ gồm:

- Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế mẫu 08-MST ban hành kèm Thông tư số 95/2016/TT-BTC;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi (nếu thay đổi Người đại diện theo pháp luật thì kèm theo bản chụp chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài)).

II. Về Khai, nộp thuế:

1. Về lệ phí môn bài:

Tại Điều 4, 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lệ phí môn bài.

a. Người nộp lệ phí môn bài nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì người nộp lệ phí thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí;

- Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

b. Khai lệ phí môn bài được thực hiện như sau:

- Khai lệ phí môn bài một lần khi người nộp lệ phí mới ra hoạt động kinh doanh, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Trường hợp người nộp lệ phí mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải khai lệ phí môn bài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký thuế.

c. Hồ sơ khai thuế môn bài là Tờ khai lệ phí môn bài ban hành kèm theo Nghị định số 139/2016/NĐ-CP.

d. Thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hàng năm. Trường hợp người nộp lệ phí mới ra hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc mới thành

lập cơ sở sản xuất kinh doanh thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai lệ phí.

2. Về Thuế GTGT:

Tại Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính và Điều 15 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế GTGT:

a. Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế

- Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì người nộp thuế thực hiện khai thuế giá trị gia tăng chung cho cả đơn vị trực thuộc.

- Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc; nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của người nộp thuế.

b. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thời hạn kê khai, nộp thuế:

Mẫu tờ khai	Trường hợp áp dụng	Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế
<u>Mẫu số 01/GTGT</u>	DN nộp thuế GTGT phương pháp khấu trừ	
<u>Mẫu số 02/GTGT</u>	DN nộp thuế GTGT phương pháp khấu trừ khai cho dự án đầu tư	Kỳ kê khai tháng: chậm nhất vào ngày 20 tháng sau
<u>Mẫu số 03/GTGT</u>	DN nộp thuế GTGT phương pháp trực tiếp trên GTGT (cơ sở có hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý)	Kỳ kê khai quý: chậm nhất vào ngày 30 tháng đầu tiên quý tiếp theo
<u>Mẫu số 04/GTGT</u>	DN nộp thuế GTGT phương pháp trực tiếp trên doanh thu	

- Tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nguyên tắc tính thuế, khai thuế: Khai thuế giá trị gia tăng là **loại khai thuế theo tháng** trừ các trường hợp hướng dẫn tại điểm b, c, d khoản này.

- Tại Điều 15 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính quy định đối tượng khai thuế GTGT theo quý:

+ Khai thuế theo quý áp dụng đối với người nộp thuế giá trị gia tăng có Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống.

+ Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh việc khai thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh

đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch tiếp theo sẽ căn cứ theo mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng hay theo quý.

3. Về Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Tại Khoản 3a Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế hướng dẫn Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp:

Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

b. Hồ sơ khai thuế thu nhập đơn vị, thời hạn kê khai, nộp thuế

Trường hợp kê khai	Mẫu tờ khai	Kỳ kê khai	Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế
Quyết toán thuế TNDN (đối với Tổ chức nộp thuế theo kê khai)	<u>Mẫu số 03/TNDN</u>	Năm/ Giải thể	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. QT giải thể: 45 ngày kể từ ngày có Quyết định giải thể
Quyết toán thuế TNDN (đối với tổ chức nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu)	<u>Mẫu số 04/TNDN</u>		Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính

c. Nơi nộp tờ khai:

- Tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN: Nộp cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính hoặc cơ quan thuế quản lý chi nhánh hạch toán độc lập

- Tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì khai quyết toán thuế TNDN năm theo mẫu số 04/TNDN (*ban hành kèm theo Thông tư 151*), trường hợp tổ chức thuộc nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ mà không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TNDN thì thực hiện kê khai thuế TNDN theo từng lần phát sinh theo mẫu số 04/TNDN, và không phải khai quyết toán năm.

4. Về Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

a. Xác định kê khai thuế TNCN theo tháng hoặc quý:

- Tại Khoản 1.a.2 Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC, việc khai thuế theo tháng hoặc quý chỉ xác định một lần kể từ tháng đầu tiên có phát sinh khấu trừ thuế và áp dụng cho cả năm tính thuế. Cụ thể như sau:

+ Nếu trong tháng phát sinh số thuế TNCN phải nộp lớn hơn 50 triệu đồng thì kê khai theo tháng, trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý.

+ Nếu trong tháng phát sinh số thuế TNCN phải nộp nhỏ hơn 50 triệu đồng thì kê khai theo quý.

* Tổ chức trả thu nhập có phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khai thuế theo tháng hoặc quý. Trường hợp trong tháng hoặc quý, tổ chức trả thu nhập không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì không phải khai thuế.

- Tại Khoản 1.a.3 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 21 Thông tư 92/2015/TT-BTC quy định trách nhiệm khai và quyết toán thuế TNCN thay cho các cá nhân có ủy quyền, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không thuộc về tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.

b. Hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân, thời hạn kê khai, nộp thuế:

Mẫu tờ khai	Trường hợp áp dụng	Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế
Mẫu số 05/KK-TNCN (ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC)	Tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế	Kỳ kê khai tháng: chậm nhất vào ngày 20 tháng sau Kỳ kê khai quý: chậm nhất vào ngày 30 tháng đầu tiên quý tiếp theo Trường hợp trong tháng hoặc quý không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì không phải nộp tờ khai
Mẫu số 05/QTT-TNCN (ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC)	Tổ chức khai quyết toán thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. Quyết toán giải thể: 45 ngày kể từ ngày có Quyết định giải thể Trường hợp trong năm không phát sinh chi trả thu nhập thì không phải nộp tờ khai quyết toán

c. Thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh

- Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc

Tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư 95/2016/TT-BTC, cơ quan chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thuế cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và đăng ký thuế cho người phụ thuộc của cá nhân một lần trong năm chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân hàng năm.

Tại tiết c.2 điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC:

Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác như: Anh ruột, chị ruột, em ruột; Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12 của năm tính thuế.

Quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó. Do vậy đề nghị Tổ chức chi trả nên đăng ký người phụ thuộc trước ngày 31/12 để tránh trường hợp phát sinh không kịp thời gian.

- Thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh

Theo khoản 10 Điều 7 Thông tư 95/2016/TT- BTC quy định hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh, cụ thể như sau:

Tổ chức đăng ký người phụ thuộc cho người lao động:

Bước 1: Cá nhân nộp các mẫu sau cho tổ chức chi trả:

- + Cá nhân gửi văn bản ủy quyền cho tổ chức chi trả
- + Giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao không cần chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân)
- + Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc.

Bước 2: Tổ chức chi trả nộp Mẫu 20-ĐKT-TH-TCT trực tiếp hoặc Mẫu 02TH qua mạng:

* Tổ chức chi trả tổng hợp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc -> Gửi "Bảng Tổng hợp đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh" (trên tờ khai đánh dấu vào ô "Đăng ký thuế" và ghi đầy đủ các thông tin), 2 cách cụ thể như sau:

- Các tổ chức chi trả chưa sử dụng chữ ký số thì nộp Mẫu 02TH tại <http://thuementu.gdt.gov.vn> và nộp hồ sơ giấy tại bộ phận một cửa cho cơ quan thuế.

- Các tổ chức chi trả sử dụng chữ ký số thì nộp qua kekhaithue.gdt.gov.vn (nhantokhai.gdt.gov.vn) thì nộp qua mạng Mẫu 02TH và không cần phải nộp bản cứng.

- Cách tra cứu kết quả MST người phụ thuộc:

+ Nếu nộp trên trang: nhantokhai.gdt.gov.vn (kekhai.thue.gdt.gov.vn):
=> Vào mục: Tra cứu -> Lựa chọn thông báo: Thông báo mã số thuế người phụ thuộc.

+ Bấm Tài về để kiểm tra.

- Trường hợp thông tin sai, không được cấp MST:

+ Căn cứ vào kết quả phản hồi nhận được từ CQT, trường hợp cấp MST không thành công Tổ chức trả thu nhập yêu cầu người lao động bổ sung thông tin và thực hiện theo hướng dẫn sau:

+ Lỗi do thông tin kê khai sai: Tổ chức chi trả kê khai điều chỉnh bổ sung thông tin.

+ Lỗi trùng thông tin CMND/giấy khai sinh của NPT: Tổ chức chi trả thông báo với người lao động thực hiện việc xác minh, điều chỉnh thông tin CMND/ Giấy khai sinh như nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế đối với các trường hợp cấp MST cho NNT trùng CMND trước đây và khai nộp lại với CQT (gồm danh sách trùng và photô chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh).

+ Trùng thời gian giảm trừ NPT: Tổ chức chi trả hướng dẫn Người nộp thuế thực hiện đăng ký kết thúc giảm trừ gia cảnh của lần đăng ký trước đó hoặc điều chỉnh thời gian giảm trừ của lần đăng ký hiện tại.

5. Về Thuế nhà thầu nước ngoài:

Tại Điều 20 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam

Bên Việt Nam ký hợp đồng với Nhà thầu nước ngoài có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài và nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp

nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu

a. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu là loại khai theo lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài và khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng nhà thầu.

- Trường hợp bên Việt Nam thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài.

- Bên Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong phạm vi 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng.

b. Hồ sơ khai thuế nhà thầu nước ngoài, thời hạn kê khai, nộp thuế:

Mẫu tờ khai	Trường hợp áp dụng	Thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế
<u>Mẫu số 01/NTNN</u>	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài dành cho trường hợp bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài	Kỳ kê khai tháng: chậm nhất vào ngày 20 tháng sau (Trường hợp bên Việt Nam thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài) Theo từng lần phát sinh: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài
<u>Mẫu số 02/NTNN</u>	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài dành cho trường hợp bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài	Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng nhà thầu